

Bezeichnung Designation	Zähnezahl Number of teeth z
640 - C8M	80
720 - C8M	90
800 - C8M	100
896 - C8M	112
920 - C8M	115
960 - C8M	120
1000 - C8M	125
1040 - C8M	130
1120 - C8M	140
1200 - C8M	150
1224 - C8M	153
1280 - C8M	160
1440 - C8M	180
1600 - C8M	200
1760 - C8M	220
1792 - C8M	224
2000 - C8M	250
2240 - C8M	280
2400 - C8M	300
2520 - C8M	315
2840 - C8M	355
3048 - C8M	381
3200 - C8M	400
3600 - C8M	450
4000 - C8M	500
4480 - C8M	560

12 mm
21 mm
36 mm
62 mm